TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08/4/2025 "V/*v: tranh chấp hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR , TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ toạ phiên toà: Ông Y Lợi Niê

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Mạnh và bà Trần Thị Thanh Thắm

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư M'gar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2024/TLST–HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2024, về việc: "*tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXX-ST ngày 27/02/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025//QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H S H – Sinh năm: 1999 (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Y W N – Sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Buôn P A, thị trấn E P, huyện C M, tỉnh Đ L.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị H H S H trình bày*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H S H và anh Y W N đến với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/6/2018 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn E P, huyện C M, tỉnh Đ L.

Về tình cảm vợ chồng, lúc đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên khoảng thời gian đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và lối sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp được với nhau nữa, dẫn đến việc anh Y W N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị H S H đề nghị tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Y W N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí LHST: Chị H S phải chịu theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn anh Y W N:** Quá trình giải quyết vụ án và Tại phiên Toà, mặc dù Tòa án niêm yết thông báo thụ lý, phiên họp, phiên hoà giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên Toà cho anh Y W N theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Y W N cố tình lẩn tránh, không tham gia phiên họp, phiên hoà giải và không tham gia phiên toà, vì vậy Toà án không ghi nhận được lời khai cũng như ý kiến, quan điểm của anh Y W N.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: Về cơ bản đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng; Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H S H.

Về án phí: Chị H H S H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bị đơn là "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình*"; Theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, cũng như kết quả xác minh thì anh Y W N có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Buôn P A, thị trấn E P, huyện C M, tỉnh Đ L, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C M, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn: Mặc dù được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a,b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H S H với anh Y W N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình. Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân, giữa chị H S H và anh Y W N nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà các bên không có biện pháp hòa giải hay ý thức khắc phục. Đặc biệt là giữa chị H S H và anh Y W N cũng đã sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Nay chị H S H khẳng định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2024 tại tại Buôn P A, thị trấn E P, huyện C M thì thể hiện về tình trạng hôn nhân giữa chị H S H và anh Y W N hiện nay có những mâu thuẫn gia đình và vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H S H là chính đáng nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Không có nên không đề cập.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H S H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Nguyên đơn chị H S H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H S H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H S H được ly hôn với anh Y W N.

- *Về con chung:* Không có nên không đề cập xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị H S H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo số

AA/2023/0008114 ngày 03/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh Đ L.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Đ L;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn E P;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Y Lợi Niê

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Đ L;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND thị trấn E P;
- Lưu hồ sơ, văn thư lưu trữ.

Y Lợi Niê